

Số: 13 /2016/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 06 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;*

*Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của Chính phủ trình Quốc hội tại Báo cáo số 475/BC-CP ngày 19 tháng 10 năm 2016;*

*Căn cứ Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và năm 2017 dự kiến giao cho tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;*

*Xét Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

**I. Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.**

Tổng vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh là 9.957.905 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương:	2.979.345 triệu đồng, trong đó:
- Vốn trong nước:	2.064.800 triệu đồng (Biểu 1);
- Vốn nước ngoài (ODA):	154.545 triệu đồng (Biểu 2);
- Vốn Trái phiếu Chính phủ:	760.000 triệu đồng (Biểu 3).
2. Vốn ngân sách địa phương:	6.978.560 triệu đồng (Biểu 4).
Bao gồm:	
- Vốn đầu tư trong cân đối:	2.652.000 triệu đồng;
- Thu từ tiền sử dụng đất:	1.200.000 triệu đồng;
- Thu từ xổ số kiến thiết:	2.237.000 triệu đồng;
- Vay kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn:	600.000 triệu đồng;
- Nguồn vượt thu năm 2015:	83.560 triệu đồng;
- Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và các tổ chức khác:	206.000 triệu đồng.

## II. Phương án phân bổ 90%.

Tổng vốn đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh là 8.980.870 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 2.611.210 triệu đồng, bao gồm:	
a) Vốn trong nước:	1.788.120 triệu đồng.
- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia:	391.500 triệu đồng;
+ Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới:	272.700 triệu đồng;
+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:	118.800 triệu đồng.
- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:	10.350 triệu đồng;
- Vốn các chương trình mục tiêu:	1.386.270 triệu đồng.
b) Vốn nước ngoài:	139.090 triệu đồng;
c) Vốn Trái phiếu Chính phủ:	684.000 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách địa phương:	6.369.660 triệu đồng.
a) Trả nợ:	1.014.450 triệu đồng;
- Trả nợ xây dựng cơ bản:	53.200 triệu đồng;
- Trả nợ vay:	961.250 triệu đồng.
+ Giai đoạn 2011 - 2015:	441.250 triệu đồng;
+ Giai đoạn 2016 - 2020:	300.000 triệu đồng;
+ Trả nợ vay vốn Kho bạc nhà nước Trung ương:	220.000 triệu đồng.
b) Vốn phân cấp cho huyện, thị xã:	2.266.000 triệu đồng;
- Vốn cân đối theo tiêu chí:	1.196.000 triệu đồng;

- Tiền sử dụng đất: 1.070.000 triệu đồng.
- Trong đó 80% đầu tư hạ tầng các xã nông thôn mới: 856.000 triệu đồng.
- c) Dự án chuyển tiếp: 666.010 triệu đồng;
- d) Dự án khởi công mới: 2.423.200 triệu đồng.

Trong đó:

- Đầu tư cho giao thông nông thôn 547.100 triệu đồng và cho thủy lợi (chủ yếu là kênh mương nội đồng) 52.900 triệu đồng từ nguồn vốn vay kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn;

- Xây dựng Trường Trung học phổ thông huyện Đồng Phú, Trường Trung học phổ thông huyện Bù Gia Mập và trường mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập từ nguồn hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và các tổ chức khác là 206.000 triệu đồng.

3. Cơ cấu vốn bố trí cho lĩnh vực giáo dục, y tế và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ nguồn thu xổ số kiến thiết.

- Vốn bố trí cho lĩnh vực giáo dục, y tế từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 1.003.947 triệu đồng, bằng 50% nguồn thu xổ số kiến thiết;

- Vốn bố trí cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 201.000 triệu đồng, bằng 10% nguồn thu xổ số kiến thiết.

*(Kèm theo danh mục và mức vốn kế hoạch chi tiết tại biểu số 1, 2, 3 và 4)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực, từ ngày 16 tháng 12 năm 2016./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ TP (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH** *mm*



**Trần Tuệ Hiền**



BIỂU 1

**DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ MỨC VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Chủ đầu tư
		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó		
								Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	<b>TỔNG SỐ</b>	3.306.883	2.874.198	520.530	414.947	2.064.800	2.064.800	58.000	2.307	
	<b>Phân bổ 90%(A+B+C)</b>					1.788.120	1.788.120			
<b>A</b>	<b>VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>					391.500	391.500		2.307	
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững</b>					118.800	118.800	-	2.307	
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các xã nghèo ĐBKK, xã biên giới, các thôn ĐBKK thuộc chương trình 135					116.493	116.493			
	Thanh toán nợ đọng XDCB					2.307	2.307		2.307	
<b>II</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>					272.700	272.700	-	-	
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các xã NTM giai đoạn 2016 - 2020					272.700	272.700			
<b>B</b>	<b>HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG THEO QĐ 22/QĐ-TTg</b>					10.350	10.350			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Chủ đầu tư
		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
C	<b>VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>3.306.883</b>	<b>2.874.198</b>	<b>520.530</b>	<b>414.947</b>	<b>1.386.270</b>	<b>1.386.270</b>	<b>58.000</b>	-	
I	<b>Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng</b>	<b>1.583.741</b>	<b>1.405.429</b>	<b>352.336</b>	<b>268.836</b>	<b>666.626</b>	<b>666.626</b>	-	-	
	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</b>	<b>612.644</b>	<b>579.929</b>	-	-	<b>320.000</b>	<b>320.000</b>	-	-	
1	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	149.644	149.644			60.000	60.000			Sở GTVT
2	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)	80.000	80.000			80.000	80.000			UBND TX Đồng Xoài
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	150.000	150.000			70.000	70.000			UBND huyện Phú Riềng
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	150.000	150.000			70.000	70.000			UBND huyện Phú Riềng
5	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	83.000	50.285			40.000	40.000			Sở Nội Vụ
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>971.097</b>	<b>825.500</b>	<b>352.336</b>	<b>268.836</b>	<b>346.626</b>	<b>346.626</b>	-	-	
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản	63.223	50.000	9.600	9.600	40.400	40.400			UBND huyện Hớn Quản
2	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	49.909	40.000	12.500	9.500	30.500	30.500			UBND huyện Bù Đốp

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Chủ đầu tư
		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
3	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riêng đi Phú Trung huyện Bù Gia Mập	36.808	25.000	14.600	4.600	20.400	20.400			UBND huyện Bù Gia Mập
4	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ trung tâm xã Phước Tân huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình huyện Bù Đốp	363.657	253.000	151.900	113.400	109.600	109.600			Sở GTVT
5	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đặng Hà	137.500	137.500	163.736	131.736	5.726	5.726			Sở NN&PTNT
6	Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh	170.000	170.000			50.000	50.000			UBND huyện Lộc Ninh
7	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tieng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	150.000	150.000			90.000	90.000			Sở VH&DL
II	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	53.934	26.967	42.336	25.183	1.700	1.700	-	-	-
	Dự án chuyển tiếp	53.934	26.967	42.336	25.183	1.700	1.700	-	-	-
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	53.934	26.967	42.336	25.183	1.700	1.700			Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Chủ đầu tư
		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
III	Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững	65.000	65.000	-	-	20.000	20.000	-	-	
	Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017	65.000	65.000	-	-	20.000	20.000	-	-	
1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	65.000	65.000			20.000	20.000			Vườn QG Bù Gia Mập
IV	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	211.714	203.342	26.334	25.404	130.196	130.196			
	Dự án chuyển tiếp	211.714	203.342	26.334	25.404	130.196	130.196			
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành Trung tâm giống nông lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	43.972	35.600	26.334	25.404	10.196	10.196			Sở NN&PTNT
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	147.742	147.742			100.000	100.000			Ban QL Khu kinh tế

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Chủ đầu tư
		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó		
								Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
3	Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)	20.000	20.000			20.000	20.000			
V	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo	676.725	575.216	19.000	15.000	99.000	99.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	676.725	575.216	19.000	15.000	99.000	99.000	-	-	
1	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013 - 2020	676.725	575.216	19.000	15.000	99.000	99.000			Sở Công thương
VI	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	402.033	308.000	30.000	30.000	247.690	247.690	-	-	
	Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017	257.000	257.000	-	-	226.690	226.690	-	-	
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	132.000	132.000			101.690	101.690			Ban QL Khu kinh tế
2	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài 1	125.000	125.000			125.000	125.000			Ban QL Khu kinh tế
	Dự án chuyển tiếp	145.033	51.000	30.000	30.000	21.000	21.000	-	-	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Chủ đầu tư
		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó		
								Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
1	Xây dựng đường và kênh thoát nước tại khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013 - 2017	145.033	51.000	30.000	30.000	21.000	21.000	-	-	Ban QL Khu kinh tế
<b>VII</b>	<b>Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số; vùng khó khăn</b>	<b>44.100</b>	<b>44.100</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</b>	<b>44.100</b>	<b>44.100</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	44.100	44.100	-	-	40.000	40.000	-	-	Sở GDĐT
<b>VIII</b>	<b>Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương</b>	<b>15.693</b>	<b>9.500</b>	<b>6.000</b>	<b>6.000</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>15.693</b>	<b>9.500</b>	<b>6.000</b>	<b>6.000</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	15.693	9.500	6.000	6.000	3.500	3.500	-	-	UBND huyện Bù Gia Mập
<b>IX</b>	<b>Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch</b>	<b>68.853</b>	<b>55.082</b>	<b>28.524</b>	<b>28.524</b>	<b>26.558</b>	<b>26.558</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>68.853</b>	<b>55.082</b>	<b>28.524</b>	<b>28.524</b>	<b>26.558</b>	<b>26.558</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc Khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng - Sóc Bóm Bô	68.853	55.082	28.524	28.524	26.558	26.558	-	-	Sở VH TT & DL

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Chủ đầu tư
		TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó		
								Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
X	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin	45.000	45.000			32.000	32.000	-	-	-
	Chuẩn bị đầu tư năm 2017	45.000	45.000	-	-	32.000	32.000	-	-	-
1	Đầu tư trang thiết bị và xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu kết nối liên thông từ Trung ương đến địa phương	45.000	45.000			32.000	32.000			Sở Thông tin truyền thông
XI	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm	140.090	136.562	16.000	16.000	61.000	61.000	-	-	-
	Dự án chuyển tiếp	140.090	136.562	16.000	16.000	61.000	61.000	-	-	-
1	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư- Chiu Riú và Lộc Thiện- Tà Nốt) đoạn 2 tuyến Lộc Thiện- Tà Nốt	30.528	27.000	16.000	16.000	11.000	11.000			Bộ CHBĐBP
2	Xây dựng đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắc Ó, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	109.562	109.562			50.000	50.000			Bộ CHBĐBP
XII	Hoàn trả tạm ứng					58.000	58.000	58.000		

BIỂU 2

DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ MỨC VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm						Lũy kế giải ngân đến 31/12/2015					Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020					Ghi chú			
		Số quyết định	TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn nước ngoài	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn nước ngoài	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trong nước						Tổng số	Vốn trong nước					Tổng số	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài		
				Tổng số	Trong đó:						NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác	NSTW				NSĐP và các nguồn vốn khác			NSTW	NSĐP và các nguồn vốn khác
					NSTW	Vốn nước ngoài															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
	<b>TỔNG SỐ</b>		665.549	101.924	50.962	50.962	563.626	347.794	56.893	48.771	8.122	290.901	197.385	42.840	-	42.840	154.545				
	<b>Phân bổ 90%</b>		665.549	101.924	50.962	50.962	563.626	347.794	56.893	48.771	8.122	290.901	177.646	38.556	-	38.556	139.090				
	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>		665.549	101.924	50.962	50.962	563.626	347.794	56.893	48.771	8.122	290.901	177.646	38.556	-	38.556	139.090				
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đông Xoài công suất 20000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	323.934	53.934	26.967	26.967	270.000	210.488	29.893	24.825	5.068	180.595	65.307	19.710		19.710	45.597				
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đông Xoài công suất 10000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011	341.615	47.990	23.995	23.995	293.626	137.306	27.000	23.946	3.054	110.306	112.339	18.846		18.846	93.493				

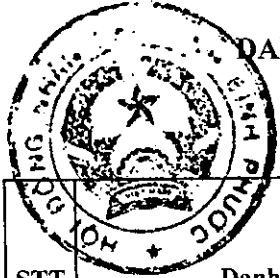
**Biểu 3**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

theo Nghị quyết số 13 /2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn 2017-2020		Chủ đầu tư
		Tổng số	Phân bổ 90%	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>760.000</b>	<b>684.000</b>	
<b>I</b>	<b>Y tế</b>	<b>660.000</b>	<b>594.000</b>	
	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 lên 600 giường bệnh	660.000	594.000	Sở Y tế
<b>II</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>	<b>100.000</b>	<b>90.000</b>	
	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học mầm non và tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm 85 phòng học mầm non và 64 phòng học tiểu học)	100.000	90.000	Sở GD&ĐT



**BIỂU 4**  
**DANH MỤC VÀ MỨC VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
**GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Chia ra nguồn					Chủ đầu tư	
			Vốn trong cân đối	Tiền thu sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Vượt thu 2015 chuyển sang		Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp
A	B	1=2+3+4+5+6+7	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>6.978.560</b>	<b>2.652.000</b>	<b>1.200.000</b>	<b>2.237.000</b>	<b>600.000</b>	<b>83.560</b>	<b>206.000</b>	
	<b>PHÂN BỐ 90% (A+B+C+D)</b>	<b>6.369.660</b>	<b>2.386.800</b>	<b>1.080.000</b>	<b>2.013.300</b>	<b>600.000</b>	<b>83.560</b>	<b>206.000</b>	
<b>A</b>	<b>TRẢ NỢ</b>	<b>1.014.450</b>	<b>961.250</b>	<b>-</b>	<b>53.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>I</b>	<b>Trả nợ XDCB</b>	<b>53.200</b>			<b>53.200</b>				
<b>II</b>	<b>Trả nợ vay tín dụng ưu đãi</b>	<b>961.250</b>	<b>961.250</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015	441.250	441.250						
2	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2016-2020	300.000	300.000						
3	Trả nợ vay vốn KBNN Trung ương	220.000	220.000						
<b>B</b>	<b>VỐN PHÂN CẤP HUYỆN, THỊ</b>	<b>2.266.000</b>	<b>1.196.000</b>	<b>1.070.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	1.196.000	1.196.000						
2	Tiền sử dụng đất	1.070.000		1.070.000					
	Trong đó 80% đầu tư hạ tầng các xã NTM	856.000		856.000					
<b>C</b>	<b>DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP</b>	<b>666.010</b>	<b>110.550</b>	<b>10.000</b>	<b>505.960</b>	<b>39.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>I</b>	<b>Đổi ứng các dự án ODA</b>	<b>38.556</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.556</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	19.710			19.710				Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	18.846			18.846				Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
<b>II</b>	<b>Nông nghiệp - Nông thôn</b>	<b>10.850</b>	<b>6.350</b>	<b>-</b>	<b>4.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (Vốn đối ứng với NSTW)	6.350	6.350						Sở NN&PTNT

2	Xây dựng đường tuần tra phía Đông Nam, vườn QG Bù Gia Mập thuộc dự án bảo vệ rừng giai đoạn 2012-2015	4.500			4.500				Vườn QG Bù Gia Mập
<b>III</b>	<b>Công nghiệp</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	-	-	-	-	
1	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020(đổi ứng NSTW)	20.000	20.000						Sở Công thương
<b>IV</b>	<b>Thủy Lợi</b>	<b>5.000</b>	-	-	-	<b>5.000</b>	-		
1	Hồ chứa nước Sơn Lợi	3.000				3.000			Sở NN&PTNT
2	Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài	2.000				2.000			Sở NN&PTNT
<b>V</b>	<b>Y tế</b>	<b>67.184</b>	-	-	<b>67.184</b>	-	-	-	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (ngân sách tỉnh đối ứng)	6.184			6.184				UBND huyện Bù Gia Mập
2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập (Đổi ứng NSTW)	3.000			3.000				nt
3	Xây dựng bệnh viện Đa khoa Bù Gia Mập (giai đoạn 2)	7.000			7.000				nt
4	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	14.000			14.000				Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh
5	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC; cải tạo mái tôn khoa dược, khoa lão, khoa cán bộ cao cấp; Sơn tường, chống thấm sê nô hành lang cầu nổi Bệnh viện đa khoa tỉnh	2.000			2.000				Bệnh viện đa khoa tỉnh
6	Bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản	35.000			35.000				UBND huyện Hớn Quản
<b>VI</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>	<b>232.100</b>	-	-	<b>232.100</b>	-	-	-	
1	Trường Mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	14.400			14.400				UBND huyện Bù Đăng
2	Trường Mầm non Tân Tiên, huyện Đồng Phú	15.000			15.000				UBND huyện Đồng Phú
3	Trường mầm non Hoa Lan, xã Tiến Hưng Đồng Xoài	5.000			5.000				UBND TX. Đồng Xoài
4	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh	52.000			52.000				UBND huyện Lộc Ninh

5	Trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chợ Thành	28.000			28.000				UBND huyện Chợ Thành
6	Trường MN An Khương, xã An Khương huyện Hớn Quản	9.000			9.000				UBND huyện Hớn Quản
7	Xây dựng khối nhà học trường chính trị tỉnh	1.000			1.000				Trường chính trị tỉnh
8	Xây dựng Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	20.000			20.000				Sở GDĐT
9	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chợ Thành	3.200			3.200				Sở GDĐT
10	12 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Nguyễn Du	5.000			5.000				Sở GDĐT
11	Xây dựng Trường THPT Đa Kìa huyện Bù Gia Mập	20.000			20.000				Sở GDĐT
12	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	35.000			35.000				Sở GDĐT
13	Xây dựng nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	7.500			7.500				Sở GDĐT
14	Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	17.000			17.000				Sở GDĐT
<b>VII</b>	<b>Văn hóa - Xã hội</b>	<b>68.200</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>58.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Tu bổ tôn tạo di tích mộ tập thể 3000 người tại TX. Bình Long	15.500		10.000	5.500				UBND TX Bình Long
2	Bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ xây dựng Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sok Bom Bo	10.000			10.000				Sở VH TT&DL
3	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng - Sóc Bom Bo (NS tính đối ứng)	12.500			12.500				Sở VH TT&DL
4	Trung tâm Văn hóa tỉnh	27.800			27.800				Sở VH TT&DL
5	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước (NS tính đối ứng)	2.400			2.400				Sở LĐTBXH

6	Trung tâm văn hoá thể thao công đoàn tỉnh Bình Phước (vốn đối ứng NS tỉnh)	5.000			5.000				Liên đoàn LĐ tỉnh
<b>VIII</b>	<b>Giao thông - Hạ tầng đô thị</b>	<b>95.500</b>	-	-	<b>61.000</b>	<b>34.500</b>	-	-	
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản (đối ứng ngân sách TW)	12.200			12.200				UBND huyện Hớn Quản
3	Xây dựng hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	6.800			6.800				Sở Xây dựng
4	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua huyện Lộc Ninh	26.000			26.000				Sở GTVT
5	Láng nhựa đường Đoàn Thị Điểm nối dài thị xã Bình Long	7.000			7.000				UBND TX Bình Long
6	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	9.000			9.000				Ban QL khu kinh tế
7	XD đường từ trung tâm xã Tiến Hưng đi cụm 2 nông trường cao su Tân Lợi xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	500				500			UBND TX Đồng Xoài
8	Láng nhựa đường liên xã Lộc An đi Lộc Hòa huyện Lộc Ninh	7.300				7.300			UBND huyện Lộc Ninh
9	Xây dựng 02 cầu tại Km0+789 và Km1+102 đường từ ngã ba Xa Trạch xã Thanh Bình đến trung tâm xã Phước An, huyện Hớn Quản	7.300				7.300			UBND huyện Hớn Quản
10	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản	19.400				19.400			UBND huyện Hớn Quản
<b>IX</b>	<b>Quản lý Nhà nước</b>	<b>18.920</b>	-	-	<b>18.920</b>	-	-	-	
1	Trụ sở trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư	8.500			8.500				Trung Tâm xúc tiến TMDL&ĐT
2	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất	2.240			2.240				Trung tâm PTQĐ
3	Trụ sở Đảng ủy khối doanh nghiệp	2.400			2.400				Đảng ủy khối DN



4	Xây dựng nhà làm việc khối đoàn thể huyện Hớn Quản	5.780			5.780				UBND huyện Hớn Quản
<b>X</b>	<b>Quốc phòng - An ninh</b>	<b>5.500</b>	-	-	<b>5.500</b>	-	-	-	
1	Doanh trại đội K72 (giai đoạn 2)	5.500			5.500				Bộ chỉ huy QS tỉnh
<b>XI</b>	<b>Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)</b>	<b>37.500</b>	<b>37.500</b>						15 xã biên giới thuộc 3 huyện Lộc Ninh 7 xã; Bù Đốp 6 xã; Bù Gia Mập 2 xã
<b>XII</b>	<b>Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và hộ nghèo xã, bản ĐBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg</b>	<b>46.700</b>	<b>46.700</b>						UBND các huyện, thị
<b>XIII</b>	<b>Thanh toán các công trình đã quyết toán</b>	<b>20.000</b>			<b>20.000</b>				
<b>D</b>	<b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI</b>	<b>2.423.200</b>	<b>119.000</b>	-	<b>1.454.140</b>	<b>560.500</b>	<b>83.560</b>	<b>206.000</b>	
<b>I</b>	<b>Đổi ứng dự án PPP</b>	<b>46.000</b>	-	-	<b>46.000</b>	-	-	-	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 1)	46.000			46.000				Sở Xây dựng
<b>II</b>	<b>Đổi ứng các dự án ODA</b>	<b>41.000</b>	-	-	<b>41.000</b>	-	-	-	
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	25.000			25.000				Sở KH&ĐT
2	Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	5.400			5.400				Sở GTVT
3	Các dự án hệ thống xử lý nước thải bệnh viện trên địa bàn tỉnh	5.300			5.300				Sở Y tế
4	Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông giai đoạn 2 (Vốn vay ADB)	5.300			5.300				Sở GDĐT
<b>III</b>	<b>Nông nghiệp-Nông thôn</b>	<b>219.000</b>	-	-	<b>209.000</b>	-	<b>10.000</b>	-	
1	Xây dựng hạ tầng các xã nông thôn mới(tính cả trả nợ mua xi măng)	201.000			191.000		10.000		
2	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	18.000			18.000				Chi cục kiểm lâm
<b>IV</b>	<b>Thủy Lợi</b>	<b>47.900</b>	-	-	-	<b>47.900</b>	-	-	

1	Mương thoát nước áp 7 xã Minh Hưng (ngoài hàng rào KCN Minh Hưng ) Chơn Thành	9.000				9.000			Ban QLKKT
2	Kênh thoát nước từ xã Thanh Bình đến xã Phước An, huyện Hớn Quản	27.200				27.200			UBND Huyện Hớn Quản
3	Kè và nạo vét lòng suối Đăk Wa đoạn qua thị trấn Đức Phong huyện Bù Đăng	7.200				7.200			UBND huyện Bù Đăng
4	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình huyện Bù Đăng	4.500				4.500			UBND huyện Bù Đăng
<b>V</b>	<b>Công nghiệp</b>	<b>52.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.000</b>	<b>-</b>	<b>12.700</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng đường điện vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	1.700					1.700		Sở Công thương
2	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	11.000					11.000		Ban QLKKT
3	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	40.000			40.000				Ban QLKKT
<b>VI</b>	<b>Giao thông - hạ tầng đô thị</b>	<b>786.790</b>	<b>99.000</b>	<b>-</b>	<b>134.330</b>	<b>512.600</b>	<b>40.860</b>	<b>-</b>	
1	Vốn góp dự án xây dựng cầu Sài Gòn nối hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh	16.000	3.000		13.000				Sở GTVT
2	Đường số 7 (đoạn còn lại ) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	30.000			30.000				Sở Xây dựng
3	Xây dựng đường D10 thuộc khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	1.500			1.500				Sở Xây dựng
4	Xây dựng đường Bùi Thị Xuân thuộc khu dân cư Phú Thịnh, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	1.000			1.000				Sở Xây dựng
5	Xây dựng vỉa hè đường Quốc lộ 14 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Huệ) thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	14.000	14.000						Sở Xây dựng

6	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đông Phú đến KCN Bắc Đông Phú	10.000	10.000						UBND huyện Đông Phú
7	Xây dựng đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng	14.000			9.000		5.000		UBND huyện Phú Riềng
8	Xây dựng đường liên xã Thuận Lợi-Thuận Phú, huyện Đông Phú	25.000			15.000		10.000		UBND huyện Đông Phú
9	Đường liên xã Minh Thành đi An Long, huyện Chợ Thành	25.000				20.000	5.000		UBND huyện Chợ Thành
10	Xây dựng đường giao thông liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái huyện Lộc Ninh	9.000			4.000		5.000		UBND huyện Lộc Ninh
11	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	28.000			22.140		5.860		UBND huyện Hớn Quản
12	Đường từ Quốc lộ 13 vào Trường Cao đẳng nghề Bình Phước	5.390			5.390				Trường cao đẳng nghề Tôn Đức Thắng
13	Nâng cấp đường Minh Hưng-Minh Thạnh huyện Chợ Thành	22.500				22.500			UBND huyện Chợ Thành
14	Đường giao thông từ Tà Nốt đi Hoa Lư huyện Lộc Ninh.	49.500				49.500			UBND huyện Lộc Ninh
15	Xây dựng cầu Bù Dinh xã Thanh An, huyện Hớn Quản	9.000				9.000			UBND huyện Hớn Quản
16	Đường vào ấp Bung Sê (đoạn từ QL 14 đến cầu Thuận Phú) thị xã Đồng Xoài.	8.100				8.100			UBND TX Đồng Xoài
17	Đường từ ĐT 741 đến đội 6, Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	10.800				10.800			UBND huyện Bù Gia Mập
18	Đường giao thông từ ngã ba Cây Cày áp Sóc Bê đi Sóc Bung, xã Thanh Phú, Bình Long	6.900				6.900			UBND TX Bình Long

19	Xây dựng đường từ xã An Khương - Trà Thanh-Thanh An huyện Hớn Quản	3.900				3.900			UBND huyện Hớn Quản
20	Đường Thôn 1 xã Thiện Hưng đi xã Thanh Hòa huyện Bù Đốp	9.000				9.000			UBND huyện Bù Đốp
21	Đường Đồng Tâm - Thuận Phú	36.000				36.000			UBND huyện Đồng Phú
22	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình huyện Phú Riềng	10.800				10.800			UBND huyện Phú Riềng
23	Đường liên xã Tân Quan - Nha Bích	9.000				9.000			UBND huyện Hớn Quản
24	XD đường giao thông từ ĐT 751 đi xã Minh Long huyện Chơn Thành	36.000				36.000			Sở GTVT
25	Đường vào Thác Đung, xã Đoàn kết, huyện Bù Đăng.	12.000				12.000			UBND huyện Bù Đăng
26	Đường Trung tâm huyện đi xã Tân Lợi huyện Đồng Phú.	21.600				21.600			UBND huyện Đồng Phú
27	Cầu bắc qua Sông Bé trên ĐT 760 nói dài	27.000				27.000			UBND huyện Bù Gia Mập
28	Đường GTNT xã Tân Phước-Đồng Tiên-Đồng Tâm	36.000				36.000			Sở GTVT
29	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	40.500				40.500			Sở GTVT
30	Đường GTNT QL14 đi Lam Sơn	45.000				45.000			Sở GTVT
31	Đường GTNT từ ĐT759 đi Đồng Tháp	18.000				18.000			Sở GTVT
32	Đường Lộc Khánh-Lộc Hiệp	40.500				40.500			Sở GTVT
33	Đường GTNT Long Hưng - Phước Bình	36.000				36.000			Sở GTVT
34	Nâng cấp đường Lộc Tân -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	72.000	72.000						Sở GTVT
35	Bổ sung cho huyện Bù Đốp xây dựng các công trình giao thông	5.000					5.000		UBND huyện Bù Đốp
36	Xây dựng đường D6 Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	12.300			7.300		5.000		UBND huyện Phú Riềng

37	Láng nhựa đường ALTI từ đường Ngô Quyền đến cầu cây Sung thị xã Bình Long	8.000			8.000				UBND thị xã Bình Long
38	Nâng cấp láng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bến đò xã Phước Tín, TX Phước Long	4.500				4.500			UBND thị xã Phước Long
39	Đường vòng quanh hồ thủy lợi Phước Hòa tỉnh Bình Phước	18.000			18.000				Sở GTVT
<b>VII</b>	<b>Y tế</b>	<b>189.310</b>	-	-	<b>189.310</b>	-	-		
1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh (Vốn CBBT)	25.910			25.910				Sở Y tế
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú từ 50 giường lên 80 giường	22.500			22.500				Sở Y tế
3	Nâng cấp bệnh viện huyện Chơn Thành từ 70 giường lên 100 giường	22.500			22.500				Sở Y tế
4	Mua sắm, lắp đặt trang bị máy phát điện dự phòng công suất 313KVA Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.400			1.400				Bệnh viện đa khoa tỉnh
5	Ký túc xá học sinh, nhà tập thể thao và hạ tầng kỹ thuật Trường Trung cấp y tế	25.000			25.000				Trường TCYT
6	Nhà làm việc các khoa và bộ môn khối thực hành và thư viện Trường Trung cấp y tế	25.000			25.000				Trường TCYT
7	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Phú Riềng	67.000			67.000				Sở Y tế
<b>VIII</b>	<b>Giáo dục -Đào tạo</b>	<b>708.800</b>	-	-	<b>502.800</b>	-	-	<b>206.000</b>	
1	Trường mẫu giáo Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	18.000			18.000				UBND huyện Lộc Ninh
2	Trường mẫu giáo Đức Liễu, huyện Bù Đăng	20.000			20.000				UBND huyện Bù Đăng
3	Trường mẫu giáo Phước Tín TX. Phước Long	20.000			20.000				UBND TX Phước Long
4	Trường mầm non thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành	20.000			20.000				UBND huyện Chơn Thành
5	Trường mầm non Hòa Mi, thị xã Đồng Xoài (giai đoạn 2)	20.000			20.000				UBND TX Đồng Xoài
6	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	18.000			18.000				UBND huyện Đồng Phú

7	Trường Mầm non Bù Nho, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	19.300			19.300				UBND huyện Phú Riềng
8	Trường mẫu giáo Thanh Lương TX. Bình Long	18.000			18.000				UBND TX Bình Long
9	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	18.000			12.000		6.000		UBND huyện Bù Gia Mập
10	Trường tiểu học Trương Định huyện Bù Gia Mập	21.500			21.500				UBND huyện Bù Gia Mập
11	Trường TH Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	4.500			4.500				UBND huyện Bù Gia Mập
12	Trường Tiểu học Thanh Bình, huyện Hớn Quản	13.500			13.500				UBND huyện Hớn Quản
13	Trường tiểu học Tân Khai A huyện Hớn Quản	25.200			25.200				UBND huyện Hớn Quản
14	Trường Tiểu học Thiện Hưng C, huyện Bù Đốp	13.500			13.500				UBND huyện Bù Đốp
15	Trường tiểu học Thanh Bình A huyện Bù Đốp	18.000			18.000				UBND huyện Bù Đốp
16	Trường THCS Đắc Ō huyện Bù Gia Mập	4.500			4.500				UBND huyện Bù Gia Mập
17	Trường THCS Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	9.000			9.000				UBND huyện Bù Gia Mập
18	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	43.000			43.000				UBND huyện Chơn Thành
19	Trường THPT huyện Lộc Ninh	54.000			54.000				Sở GDĐT
20	Mua sắm thiết bị phòng học phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	9.900			9.900				Sở GDĐT
21	Mở rộng Ký túc xá cho học sinh PTDTNT tỉnh	5.400			5.400				Sở GDĐT
25	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	9.000			9.000				Sở GDĐT
29	Xây dựng trường THPT Thanh hòa huyện Bù Đốp	40.400			40.400				Sở GDĐT

22	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	13.200			13.200				Sở KHCN
23	Thiết bị thí nghiệm trường chuyên Bình Long	3.000			3.000				UBND TX Bình Long
24	Đầu tư các phòng thí nghiệm lý, hóa, sinh của Trường Cao đẳng sư phạm để tiến tới nâng cấp thành Trường Đại học Bình Phước	13.500			13.500				Trường Cao đẳng sư phạm tỉnh
26	Xây dựng Nhà tập đa năng Trường THPT chuyên Quang Trung, thị xã Đồng Xoài	5.800			5.800				Trường chuyên Quang Trung
27	Xây dựng hồ bơi, Sân bóng đá mini Trường THPT chuyên Quang Trung, thị xã Đồng Xoài	9.000			9.000				Trường chuyên Quang Trung
28	Xây dựng Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	9.000			9.000				Trường chuyên Bình Long
30	Xây dựng trường TH xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú	12.600			12.600				UBND huyện Đồng Phú
32	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước	100.000					100.000		UBND huyện Đồng Phú
31	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước	100.000					100.000		UBND huyện Bù Gia Mập
<b>IX</b>	<b>Văn hóa - Xã hội</b>	<b>181.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>161.500</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>	<b>-</b>	
1	Dàn đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh Bình Phước	18.000			18.000				Sở VH TT & DL
2	Khôi phục nhà tù Bà rá	13.500			13.500				UBND TX Phước Long
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Hớn Quản	22.000			22.000				UBND huyện Hớn Quản
4	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	22.000			22.000				UBND huyện Đồng Phú
5	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Chơn Thành	22.000			22.000				UBND huyện Chơn Thành
6	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	22.000			22.000				UBND huyện Phú Riềng
7	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	22.000			22.000				UBND huyện Bù Gia Mập

8	Xây dựng khu đón tiếp khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tà Thiết, huyện Lộc Ninh	15.000					15.000		Sở VH TT&DL
9	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh truyền hình Bình Phước	5.000					5.000		Đài PTTH tỉnh
10	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết (ngân sách tỉnh)	20.000			20.000				Sở VH TT&DL
<b>X</b>	<b>Khoa học - công nghệ</b>	<b>68.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>68.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng trại thực nghiệm khoa học và công nghệ	18.000			18.000				Sở KHCN
2	Xây dựng nhà trưng bày và phòng chức năng tại vườn sưu tập thực vật tỉnh Bình Phước	11.500			11.500				Sở KHCN
3	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	19.000			19.000				Sở KHCN
4	Đầu tư trang thiết bị mô hình bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch	2.000			2.000				Sở KHCN
5	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	18.000			18.000				Văn phòng Tỉnh ủy
<b>XI</b>	<b>Quản lý Nhà nước</b>	<b>23.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở Làm việc Sở Ngoại vụ	3.000			3.000				Sở Ngoại vụ tỉnh
2	Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bình Phước (Đối ứng NSDP)	3.600			3.600				Sở Xây dựng
3	Văn phòng Trung tâm khai thác hạ tầng Khu công nghiệp	1.600			1.600				Ban QLKKT
4	Trụ sở làm việc trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân tỉnh Bình Phước	9.500			9.500				Tâm hỗ trợ thanh niên công nhân
5	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban tổ chức Tỉnh ủy	3.000			3.000				Ban tổ chức Tỉnh ủy
6	Máy phát điện dùng chung cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	3.000			3.000				Văn phòng Tỉnh ủy
<b>XII</b>	<b>Quốc phòng - An ninh</b>	<b>58.000</b>	<b>20.000</b>	<b>-</b>	<b>38.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	



1	Nhà làm việc Sở Chỉ huy A2 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	11.000			11.000				Bộ chỉ huy QS tỉnh
2	Xây dựng nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	20.000			20.000				Bộ chỉ huy QS tỉnh
3	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Bình Phước	7.000			7.000				Công an tỉnh
4	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	20.000	20.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh

### Ghi chú

(1) Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020: Tổng mức đầu tư phê duyệt 676 tỷ 725 triệu đồng, trong đó: NSTW 575 tỷ 216 triệu đồng và NSDP : 101 tỷ 509 triệu đồng. Tuy nhiên giai đoạn 2016-2020, TW chi bố trí 99 tỷ đồng bằng 17,2 % so với cơ cấu vốn. Do đó NSDP dự kiến bố trí giai đoạn 2016-2020 là 20 tỷ đồng bằng 20% cơ cấu vốn

(2) Dự án Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài: Tổng mức đầu tư phê duyệt 59 tỷ 746 triệu đồng (nguồn NSDP). Số vốn đã giải ngân đến hết 2015 là 18 tỷ 800 triệu đồng. Tuy nhiên dự án do không hiệu quả nên phải dừng kỹ thuật, do đó giai đoạn 2016-2020 chỉ bố trí 2 tỷ đồng để thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình

(3) DA Bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ xây dựng Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiếng sok Bom Bo: Tổng mức đầu tư phê duyệt 45 tỷ 294 triệu đồng. Đã giải ngân đến hết 2015 là 14 tỷ 741 triệu đồng, tuy nhiên nhu cầu GPMB của DA này giai đoạn 2016-2020 chỉ cần khoảng 10 tỷ